TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/DS-ST
Ngày: 14-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm.

2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 421/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐST–DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Huyền N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Kiên Ngãi, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/3/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1973

3.2 Bà Ngô Thị T Tr, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2017, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Nhật Q trình bày:

Ngày 15/7/2017, bà Võ Thị Huyền N có cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay số T1 50.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, không lãi suất. Theo thỏa thuận, bà T trả mỗi ngày 2.000.000 đồng, trả tổng cộng 55.000.000 đồng trong vòng 01 tháng. Bà T đã trả cho bà N được 06 ngày từ 16 đến 21/7/2017 là 12.000.000 đồng.

Ngày 17/7/2017, bà N cho bà T vay thêm số T1 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 28 ngày. Theo thỏa thuận, bà T trả mỗi ngày 1.000.000 đồng, bà T phải trả tổng cộng 28.000.000 đồng, trong vòng 01 tháng. Bà T đã trả cho bà N được 04 ngày từ 18 đến 21/7/2017 là 4.000.000 đồng.

Ngày 12/8/2017, bà N tiếp tục cho bà T vay 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà T trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Việc vay T1 hai bên có lập biên nhận vay T1 nhưng đến hạn trả nợ bà T chỉ trả được số T1 16.000.000 đồng. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số T1 nợ gốc còn lại 79.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Các giấy vay T1 ngày ngày 12/8/2017, ngày 17/7/2017, ngày 15/7/2017, bản tự khai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T thống nhất với lời trình bày của bà N về việc bà T có vay của bà N 03 lần, tổng số T1 vay gốc là 95.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi góp ngày như bà N trình bày. Cụ thể, bà T cho rằng đây là T1 bà N cho vay góp theo ngày nên mỗi ngày bà T đều đến gặp bà N tại quán cà phê Ngân Hà trên đường Thích Quảng Đức để trả T1 góp, nếu không gặp bà N thì bà T gửi T1 cho ông T2 nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của ông T2. Tổng cộng bà T đã trả góp đối với khoản vay 50.000.000đồng trong vòng 01 tháng là 60.000.000 đồng, khoản vay 25.000.000 đồng bà T trả góp trong vòng 01 tháng mỗi ngày là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Riêng đối với khoản vay 20.000.000 đồng bà T chỉ góp được 03 ngày thì không có khả năng thanh toán nên hiện tại còn bà T còn nợ bà N 18.800.000 đồng. Sau khi góp đủ số T1 vay gốc và lãi theo thỏa thuận, bà T nghĩ là bà N sẽ hủy bỏ các giấy mượn T1 trên nhưng bà N không xé bỏ mà dùng 03 giấy mượn T1 trên để làm căn cứ khởi kiện bà T. Bà T xác định việc vay T1 là của cá nhân bà T. Ông Phạm Thanh T1 và bà Ngô Thị T Tr có thay bà T đi góp T1 cho ông T2 nhiều lần. Hiện tại, bà T xác định chỉ còn nợ bà N số T1 18.800.000 đồng của số T1 vay gốc là 20.000.000đồng. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà T không đồng ý, bà T chỉ đồng ý thanh toán cho bà N số T1 còn lại là 18.800.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh T1 trình bày:

Ông T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng, việc bà T mượn T1 của bà N ông T1 có biết nhưng đây là khoản nợ riêng của bà T với bà N. Ông T1 không biết chính xác số T1 và thỏa thuận vay mượn giữa bà T với bà N. Ông T1 có giúp bà T đưa T1 góp hàng ngày cho bà N với số T1 mỗi lần góp là 3.000.000 đồng, đưa cho anh T2 chủ quán cà phê Ngân Hà (gần ngã ba cống trên đường Phan Đình Giót), tổng cộng ông T1 đã gặp và đưa T1 cho ông T2 là 08 lần với tổng số T1 là 24.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày, tháng và cũng không có giấy tờ giao nhận. Quá trình tòa án thụ lý bổ sung xác định ông T1 là người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T Tr trình bày:

Bà Tr là con bà T, bà Tr có biết việc bà T mượn T1 của bà N và bà Tr đã nhiều lần thay bà T đến quán cà phê Ngân Hà trên đường Thích Quảng Đức để trả T1 góp cho bà N thông qua ông T2. Tổng số T1 mà bà Tr đã đưa cho ông T2 để trả góp cho bà N là 16 lần, mỗi lần là 3.000.000 đồng tổng cộng là 48.000.000 đồng. Quá trình tòa án thụ lý bổ sung xác định bà Tr là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà Tr không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày bổ sung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tống đạt được các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án bổ sung, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập) cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh T1 và bà Ngô Thị T Tr do ông T1 và bà Tr không có mặt tại địa chỉ trên. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường Hiệp An ngày 27/8/2018 xác định bà Ngô Thị T Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú và ông Phạm Thanh T1 có cư trú tại địa chỉ Khu phố 4, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tham gia phiên tòa, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thanh T1 và bà Ngô Thị T Tr theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà T, ông T1 và bà Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cần thiết phải triệu tập ông T2 (là người nhận T1 để giao lại cho bà N) nhằm tiến hành đối chất, làm rõ có việc giao nhận T1 và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án nên Tòa án đã ra thông báo yêu cầu nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thông tin họ tên, địa chỉ nhưng các đương sự không cung cấp được, do vậy căn cứ Khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Căn cứ để bà N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán số T1 vay gốc 79.000.000 đồng là các Giấy mượn T1 ngày 15/7/2017, ngày 17/7/2017 và ngày 12/8/2017. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải (bút lục 16, 43, 44) bị đơn bà T thừa nhận nội dung các giấy mượn T1 nêu trên và thống nhất tổng số T1 gốc bà T đã mượn của bà N là 95.000.000 đồng. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên có căn cứ xác định giao dịch vay T1 giữa bà N và bà T theo các giấy mượn T1 ngày 15/7/2017, ngày 17/7/2017 và ngày 12/8/2017 là có thật.

[3] Bà N cho rằng bà T chỉ thanh toán đươc tổng số T1 16.000.000 đồng trên tổng số T1 vay gốc là 95.000.000 đồng nên yêu cầu bà N phải thanh toán số T1 còn lại là 79.000.000 đồng.

[4] Bà T xác định đã trả xong cho bà N đối với số T1 vay 50.000.000 đồng và 25.000.000 đồng bằng hình thức trả góp mỗi ngày, tổng cộng là 85.000.000 đồng, địa điểm thanh toán là tại quán cà phê Ngân Hà trên đường Thích Quảng Đức, bà T trả trực tiếp cho bà N hoặc thông qua một người tên T2 là chủ quán để đưa lại cho bà N. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà T giao nộp tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán cho bà N và cung cấp đầy đủ thông tin, địa chỉ cư trú của người nhận T1 là ông T2 để triệu tập làm rõ nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời trình bày của bà T.

[5] Mặc dù, bà N thống nhất thừa nhận có việc ông T2 nhận T1 từ bà T để trả T1 góp cho bà N nhưng bà N xác định ông T2 không có mối liên hệ vay mượn gì với bà N, bà T và cũng không biết rõ họ tên, địa chỉ cư trú của ông T2 nên không cung cấp được cho Tòa án.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thanh T1 và bà Ngô Thị T Tr thống nhất ý kiến bà T về việc vay T1 là giữa cá nhân bà N và bà T, ông T1 và bà Tr xác định đã nhiều lần thay bà T đóng T1 góp cho bà N thông qua ông T2 tại quán cà phê Ngân Hà, tổng số T1 là 24.000.000 đồng và 48.000.000 đồng nhưng ông T1 và bà Tr không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không biết thông tin về ông T2 và cũng không xác định được chính xác địa chỉ quán cà phê Ngân Hà (không thống nhất tên đường) nên không có cơ sở để Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ.

[7] Do đó căn cứ vào các giấy vay T1 đã được bà Nguyễn Thị Thanh T thừa nhận, xét giao dịch vay T1 giữa bà N và bà T là có thật và phù hợp các quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự nên việc bà Võ Thị Huyền N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán số T1 nợ gốc còn lại là 79.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 96 Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Huyền N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho bà Võ Thị Huyền N số T1 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản T1, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T1 lãi của số T1 còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số T1 3.950.000đ (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Võ Thị Huyền N số T1 tạm ứng án phí đã nộp là 2.375.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi

lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001823 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân